BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2017/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau về các vấn đề hải quan, ký tại Ba-ku ngày 14 tháng 5 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA A-DÉC-BAI-GIAN
VỀ HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ HÀNH CHÍNH LẪN NHAU
VỀ CÁC VẤN ĐỀ HẢI QUAN

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa A-déc-bai-gian, sau đây gọi là "Các Bên",

Nhận thấy rằng những vi phạm pháp luật hải quan gây phương hại tới các lợi ích kinh tế, tài chính và xã hội của các quốc gia có liên quan cũng như tới lợi ích hợp pháp của thương mại;

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định chính xác các khoản thu hải quan của hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu cũng như việc thực hiện các quy định cấm, hạn chế và kiểm soát hàng hoá;

Nhận thức rằng hành động ngăn chặn các vi phạm pháp luật Hải quan và các nỗ lực đảm bảo thu đúng thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác có thể được thực hiện hiệu quả hơn thông qua việc hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan Hải quan của các quốc gia;

Nhận thấy rằng việc buôn lậu ma tuý và các chất hướng thần gây hiểm hoạ cho sức khoẻ cộng đồng và ảnh hưởng đến xã hội;

Trên cơ sở Khuyến nghị của Hội đồng hợp tác Hải quan về Hỗ trợ hành chính ngày 5 tháng 12 năm 1953;

Và cũng trên cơ sở các điều khoản quy định trong Công ước chung về Ma tuý ngày 30 tháng 3 năm 1961, được điều chỉnh theo Nghị định thư năm 1972 Công ước về các chất hướng thần ngày 21 tháng 2 năm 1971 và Công ước chống buôn bán bất hợp pháp Ma tuý và các chất hướng thần ngày 20 tháng 12 năm 1988 của Tổ chức liên hợp quốc,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

ĐỊNH NGHĨA

Theo Hiệp định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Pháp luật Hải quan" có nghĩa là các quy định theo pháp luật quốc gia của các Bên về nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh hàng hóa và phương tiện vận tải hay bất cứ cơ chế hải quan khác bao gồm các quy định liên quan đến thuế hải quan, thuế và phí khác được Cơ quan Hải quan áp dụng hoặc thu và liên quan đến các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát;

2. "Cơ quan Hải quan" có nghĩa là: tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - Tổng cục Hải quan; và tại nước Cộng hòa A-déc-bai-gian - Ủy ban Hải quan Quốc gia;

3. "Vi phạm hải quan" có nghĩa là bất kỳ vi phạm hoặc cố tình vi phạm pháp luật Hải quan;

4. "Người" có nghĩa là thể nhân hoặc pháp nhân;

5. "Thông tin" có nghĩa là dữ liệu, báo cáo, chứng từ hoặc bản sao chứng thực hoặc xác nhận tương ứng và các thư tín trao đổi;

6. "Thông tin tình báo" có nghĩa là bất kể thông tin nào đã được xử lý và/hoặc phân tích nhằm cung cấp bằng chứng về vi phạm hải quan có liên quan;

7. "Cơ quan Hải quan được yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan của Chính phủ một Bên nhận được yêu cầu trợ giúp về các vấn đề hải quan;

8. "Cơ quan Hải quan yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan của Chính phủ một Bên đưa ra yêu cầu trợ giúp về các vấn đề hải quan;

9. "Ma tuý" có nghĩa là bất kỳ chất nào được liệt kê trong Danh sách của Công ước chung về Ma tuý năm 1961 và các sửa đổi phù hợp với Nghị định thư năm 1972 về các sửa đổi đối với Công ước chung về Ma tuý 1961;

10. "Chất hướng thần" có nghĩa là bất kể chất nào được liệt kê trong các Danh sách của Công ước quốc tế về các Chất hướng thần năm 1971;

11. "Tiền chất" có nghĩa là các chất hoá học và dung môi được sử dụng để sản xuất trái phép ma tuý hoặc các chất hướng thần theo Công ước quốc tế năm 1988 về các biện pháp chống vận chuyển trái phép ma tuý và các chất hướng thần;

12. " Hàng hoá nhạy cảm" có nghĩa là các hàng hoá đề cập trong Điều 6 của Hiệp định này.

Điều 2

PHẠM VI CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên, thông qua Cơ quan Hải quan của mình và theo những điều khoản quy định trong Hiệp định này, sẽ:

a. tiến hành các biện pháp nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy việc di chuyển hàng hoá ;

b. hỗ trợ lẫn nhau trong việc ngăn chặn các vi phạm hải quan;

c. hợp tác trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các thủ tục hải quan mới, trong đào tạo và trao đổi nhân lực và các vấn đề khác mà cả hai bên cùng quan tâm;

d. Cùng nỗ lực nâng cao nghiệp vụ hải quan.

2. Hỗ trợ lẫn nhau trong khuôn khổ của Hiệp định này được thực hiện phù hợp với luật pháp hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của một Bênvà trong khả năng cũng như nguồn lực của Cơ quan Hải quan được yêu cầu.

3. Không có điều khoản quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là làm hạn chế những thông lệ hỗ trợ lẫn nhau hiện đang có hiệu lực giữa các Bên.

Điều 3

TẠO THUẬN LỢI VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

1. Theo thoả thuận giữa các Bên, các Cơ quan Hải quan sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để tạo thuận lợi trong thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy việc di chuyển hàng hoá qua lại giữa lãnh thổ quốc gia của hai Bên;

2. Theo thoả thuận lẫn nhau, các Cơ quan Hải quan có thể chấp nhận các hình thức chứng từ hải quan thích hợp chung bằng tiếng Anh.

Điều 4

CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ LẪN NHAU

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, các Cơ quan Hải quan sẽ cung cấp cho nhau tất cả các thông tin cần thiết phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

2. Các Cơ quan Hải quan sẽ:

a. trao đổi kinh nghiệm liên quan đến các hoạt động của mình và thông tin về các cách thức và phương thức vi phạm hải quan mới;

b. thông báo cho nhau các thay đổi cơ bản của pháp luật hải quan của hai quốc gia cũng như các phương tiện kỹ thuật kiểm soát hải quan và các cách thức áp dụng cũng như thảo luận các vấn đề khác mà cả hai Bên cùng quan tâm.

3. Các Cơ quan Hải quan có thể cung cấp cho nhau hỗ trợ kỹ thuật trong các vấn đề hải quan, như sau:

a. Trao đổi các nhân viên hải quan vì lợi chung khi tìm hiểu các nghiệp vụ hải quan của nhau;

b. Đào tạo và hỗ trợ tăng cường nghiệp vụ chuyên môn cho các nhân viên Hải quan;

c.Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về sử dụng các công cụ kỹ thuật để phục vụ cho mục đích kiểm soát;

d. Trao đổi các chuyên gia về các vấn đề Hải quan;

e. Trao đổi các thông tin chuyên môn, khoa học và kỹ thuật liên quan tới pháp luật, thủ tục Hải quan.

Điều 5

GIÁM SÁT HÀNG HOÁ VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan Hải quan của một Bên, Cơ quan Hải quan của Bên kia sẽ tiến hành duy trì các biện pháp kiểm soát đối với:

a. Hàng hóa được vận chuyển bởi người đã vi phạm hoặc bị nghi ngờ vi phạm pháp luật Hải quan tại lãnh thổ quốc gia Bên đó;

b. việc di chuyển của hàng hoá và phương thức thanh toán đã được Cơ quan Hải quan của Bên kia thông báo mà cho thấy dấu hiệu vận chuyển trái phép khối lượng lớn vào hoặc ra lãnh thổ của Bên kia hoặc các việc di chuyển của hàng hoá và phương thức thanh toán có nghi ngờ;

c. phương tiện vận tải đã biết hoặc nghi ngờ được sử dụng cho vi phạm pháp luật hải quan của Bên kia;

Điều 6

HÀNH ĐỘNG CHỐNG LẠI VIỆC VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP HÀNG HÓA NHẠY CẢM

Các Cơ quan hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu sẽ không chậm trễ cung cấp cho nhau các thông tin có liên quan đến các hành động, đã bị phát hiện hoặc đang nằm trong kế hoạch, mà cấu thành hoặc có vẻ cấu thành nên vi phạm pháp luật hải quan hiện hành tại lãnh thổ quốc gia của một trong các Bên về những nội dung sau:

a. việc di chuyển vũ khí, đạn dược, chất nổ và các đầu dẫn nổ;

b. việc di chuyển ma tuý, các chất hướng thần và tiền chất của nó;

c. việc di chuyển các tác phẩm nghệ thuật và đồ cổ có giá trị văn hoá, lịch sử hoặc khảo cổ học của mỗi Bên;

d. việc di chuyển của các chất độc hại đối với môi trường và sức khoẻ cộng đồng;

e. việc di chuyển hàng hoá có thuế suất cao hoặc hàng hoá tuân theo giới hạn phi thuế quan;

Điều 7

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các Cơ quan Hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, sẽ cung cấp cho nhau tất cả thông tin có thể giúp cho đảm bảo tính chính xác trong việc:

a. Thu các khoản thuế hải quan do Cơ quan Hải quan phụ trách, đặc biệt là các thông tin có thể giúp xác định trị giá Hải quan chính xác cũng như quyết định về phân loại hàng hoá;

b. việc thực hiện các quy định về hạn chế và cấm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng quá cảnh, hoặc các hàng hoá được miễn thuế hải quan, thuế và các loại phí khác;

c. việc áp dụng quy tắc xuất xứ quốc gia.

2. Nếu Cơ quan Hải quan được yêu cầu không có thông tin mà họ được yêu cầu cung cấp thì họ sẽ phải tìm kiếm thông tin đó một cách nỗ lực sao cho phù hợp với các quy định của luật pháp quốc gia của mình.

Điều 8

THÔNG TIN VỀ HÀNG HOÁ, NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu, Cơ quan Hải quan của một Bên sẽ cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên kia các thông tin sau:

a. Hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan yêu cầu có được xuất khẩu hợp pháp từ lãnh thổ quốc gia của Bên kia hay không;

b. Hàng hóa xuất khẩu từ lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan yêu cầu có được nhập khẩu hợp pháp sang lãnh thổ quốc gia của Bên kia hay không;

2. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu, Cơ quan Hải quan của một Bên này sẽ cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên kia các thông tin sau:

a. người được biết đã vi phạm hoặc nghi ngờ vi phạm pháp luật hải quan trong lãnh thổ quốc gia của Bên kia;

b. hàng hoá, đã biết hoặc nghi ngờ là đối tượng vận chuyển trái phép;

c. phương tiện vận tải, đã biết hoặc nghi ngờ được sử dụng trong các vi phạm pháp luật Hải quan hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Bên kia.

Điều 9

TÀI LIỆU VÀ CHỨNG TỪ

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, Cơ quan Hải quan của một Bên sẽ cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên kia các hồ sơ, bằng chứng hoặc các bản sao tài liệu và các thông tin có sẵn về các hành động, đã hoàn tất hoặc đang nằm trong kế hoạch, cấu thành hoặc có dấu hiệu cấu thành nên vi phạm pháp luật hải quan hiện hành tại lãnh thổ quốc gia của Bên đó.

2. Các chứng từ cung cấp theo Hiệp định này có thể được thay thế bởi các thông tin điện tử để phục vụ cho cùng mục đích. Tất cả các thông tin có liên quan nhằm hiểu và sử dụng tài liệu cũng phải được cung cấp cùng theo đó.

Điều 10

YÊU CẦU

1. Nếu Cơ quan Hải quan của quốc gia của một Bên có yêu cầu, Cơ quan Hải quan quốc gia của Bên kia phải thực hiện các yêu cầu chính thức có liên quan đến các hoạt động đã xác định là chắc chắn hoặc có dấu hiệu trái với pháp luật hải quan hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan yêu cầu. Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ thông báo các kết quả của việc thực hiện yêu cầu cho Cơ quan Hải quan yêu cầu.

2. Các yêu cầu này phải được thực hiện theo luật pháp hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan được yêu cầu. Cơ quan Hải quan được yêu cầu phải thực hiện một cách cố gắng nhất.

Điều 11

SỬ DỤNG THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN TÌNH BÁO

1. Thông tin và thông tin tình báo nhận được trong khuôn khổ quy định của Hiệp định này chỉ được sử dụng cho mục đích của Hiệp định này. Các thông tin này sẽ không được trao đổi hoặc sử dụng cho bất kể mục đích nào khác trừ khi Cơ quan Hải quan cung cấp thông tin hoàn toàn cho phép.

2. Các quy định trong khoản 1 của Điều này không áp dụng đối với các thông tin và thông tin tình báo có liên quan đến các vụ vi phạm liên quan đến ma túy và các chất hướng thần. Các thông tin và thông tin tình báo này có thể được trao đổi với các cơ quan chức năng khác trực tiếp liên quan đến việc đấu tranh chống lại việc vận chuyển ma tuý trái phép, các chất hướng thần và tiền chất của các chất đó.

3. Các yêu cầu, thông tin, báo cáo của các chuyên gia và các thông tin liên lạc khác do Cơ quan Hải quan của một Bên nhận được dưới bất kể hình thức nào theo Hiệp định này sẽ phải được đảm bảo tính bảo mật tương tự bởi Cơ quan Hải quan nhận giống như các chứng từ và thông tin cùng loại theo quy định quốc gia của Bên đó.

Điều 12

CÁC TRƯỜNG HỢP TỪ CHỐI HỖ TRỢ

1. Nếu Cơ quan Hải quan của một Bên nhận thấy việc thực hiện yêu cầu có thể vi phạm chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc bất cứ lợi ích thiết yếu của bên mình thì họ có thể từ chối cung cấp hỗ trợ được yêu cầu theo Hiệp định này toàn phần hoặc một phần, hoặc chỉ cung cấp hỗ trợ được yêu cầu theo các giới hạn và điều kiện nhất định.

2. Trong trường hợp yêu cầu hỗ trợ bị từ chối thì quyết định và các lý do từ chối phải thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Cơ quan Hải quan yêu cầu.

3. Nếu Cơ quan Hải quan của một Bên có yêu cầu được hỗ trợ mà chính họ không thể cung cấp thì Bên yêu cầu phải đề cập tới điều đó trong yêu cầu của mình. Việc đáp ứng với một yêu cầu như vậy sẽ do Bên được yêu cầu xem xét.

Điều 13

HÌNH THỨC VÀ CÁCH GỬI YÊU CẦU HỖ TRỢ

1. Các yêu cầu trợ giúp thực hiện theo Hiệp định này sẽ được làm dưới dạng văn bản. Để thực hiện yêu cầu thì các chứng từ cần thiết phải được gửi kèm với yêu cầu đó. Trong một số trường hợp ngoại lệ khẩn cấp, cũng có thể chấp nhận yêu cầu bằng lời hoặc thư điện tử, nhưng ngay sau đó phải khẳng định lại bằng văn bản.

2. Các yêu cầu thực hiện theo Khoản 1 của Điều này phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Tên Cơ quan Hải quan yêu cầu;

b. Bản chất của quá trình và các các biện pháp yêu cầu;

c. Đối tượng và lý do yêu cầu;

d. Quy định của pháp luật và các yếu tố pháp lý khác liên quan;

e. Dữ liệu chi tiết và toàn diện đến mức có thể về người có liên quan trong cuộc điều tra;

f. Bản tóm tắt các dữ kiện có liên quan.

3. Yêu cầu phải được làm bằng ngôn ngữ quốc gia chính thức của Cơ quan Hải quan được yêu cầu, bằng tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ khác được Cơ quan Hải quan được yêu cầu chấp nhận.

4. Nếu yêu cầu không đáp ứng các quy định về hình thức thì có thể đề nghị sửa chữa hoặc hoàn chỉnh. Tuy nhiên điều này không thể gây ra sự cản trở đối với bất kỳ hành động nào mà phải được thực hiện ngay lập tức.

Điều 14

CHI PHÍ

1. Các chi phí phát sinh của Cơ quan Hải quan được yêu cầu khi thực hiện yêu cầu theo Hiệp định này sẽ do cơ quan Hải quan đó chịu ngoại trừ các chi phí cho các chuyên gia và cho các phiên dịch và biên dịch viên không phải công chức nhà nước.

2. Việc hoàn trả các chi phí khác phát sinh trong việc thực hiện Hiệp định này có thể là một nội dung của một thoả thuận đặc biệt giữa các Cơ quan Hải quan.

Điều 15

THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ được đề cập trong Hiệp định này, sẽ được thực hiện trực tiếp bởi các Cơ quan Hải quan. Các cơ quan này sẽ cùng thoả thuận cụ thể với nhau cho mục đích này.

2. Các Cơ quan Hải quan có thể thu xếp để các đơn vị điều tra chống buôn lậu cấp trung ương và địa phương của mình liên hệ trực tiếp với nhau.

Điều 16

LÃNH THỔ ÁP DỤNG

Hiệp định này sẽ được áp dụng trong lãnh thổ hải quan của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và lãnh thổ hải quan của Cộng hòa A-déc-bai-gian.

Điều 17

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG

Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung với sự nhất trí của các Bên. Các sửa đổi và bổ sung được thực hiện bằng các nghị định thư riêng biệt, các nghị định thư này là một phần không tách rời của Hiệp định và có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Điều 19.

Điều 18

GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG

Mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua hoặc đàm phán tham vấn giữa các Bên.

Điều 19

HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

1. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một Bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

3. Việc chấm dứt thực hiện Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các hoạt động hợp tác đang được thực hiện theo thỏa thuận trước ngày chấm dứt.

VỚI SỰ LÀM CHỨNG, các đại diện được uỷ quyền của các Chính phủ liên quan dưới đây đã ký Hiệp định này.

Làm tại Baku.ngày 14 tháng 05 năm 2015 thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, tiếng A-déc-bai-gian và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau.

Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau,văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA A-DÉC-BAI-GIAN
Đỗ Hoàng Anh Tuấn	Aydin Aliyev
Thứ trưởng Bộ Tài chính	Chủ nhiệm Uỷ ban Hải quan Quốc gia

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF AZERBAIJAN
REGARDING COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE IN CUSTOMS MATTERS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Azerbaijan, hereinafter referred to as the Parties,

Considering that offences against customs legislation are prejudicial to the economic, fiscal and social interests of their respective States as well as to the legitimate interests of trade,

Considering the importance of ensuring the accurate assessment of customs payments collected on the importation or exportation of goods and the proper implementation of the provisions of prohibition, restriction and control,

Convinced that actions to prevent offences against customs legislation and efforts to ensure accurate collection of import and export duties and taxes can be made more effective through cooperation between the Customs Authorities of their States,

Considering that illicit trafficking in narcotic drugs and psychotropic substances constitutes a danger to public health and to society,

Having regard to the Recommendation of the Customs Cooperation Council on Mutual Administrative Assistance of December 5, 1953,

Having regard also to the provisions of the Single Convention on Narcotic Drugs of March 30, 1961, as amended by the 1972 Protocol amending the Single Convention on Narcotic drugs 1961, the Convention on Psychotropic Substances of February 21, 1971 and the Convention Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances of

Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances of December 20, 1988 all drawn up under the auspices of the United Nations Organization,

Have agreed as follows:

Article 1

DEFINITIONS

For the purposes of this Agreement the following definitions shall apply:

1. "Customs legislation" means provisions laid down by national legislation in force of the States of the Parties concerning the importation, exportation and transit of goods and means of transport or any other customs regimes including the provisions related to customs duties, taxes and other charges applied or collected by Customs Authorities and pertaining to measures of prohibition, restriction and control;

2. "Customs Authority" means in the Socialist Republic of Viet Nam, the General Department of Viet Nam Customs and in the Republic of Azerbaijan, the State Customs Committee;

3. "Customs offences" means any violation of customs legislation as well as any attempted violation of such legislation;

4. "Person" means any natural or legal person;

5. "Information" means any data, documents, reports, certified or authenticated copies thereof and other communications;

6. "Intelligence" means any information, which has been processed and/or analyzed to provide an indication relevant to the customs offences;

7. "Requested Customs Authority" means the Customs Authority of the State of a Party, which receives a request for assistance in customs matters;

8. "Requesting Customs Authority" means the Customs Authority of the State of a Party, which makes a request for assistance in customs matters;

9. "Narcotic drugs" means agents added to the list of Single Convention on Narcotic drugs 1961 with amendments, introduced in

accordance with the 1972 Protocol amending the Single Convention on Narcotic drugs 1961;

10. "Psychotropic substances" means agents added to the lists of the Convention on psychotropic substances 1971;

11. "Precursors" means chemical agents and solvents, used during illegal production of narcotic drugs and psychotropic substances in accordance with the Convention against illicit traffic in narcotic drugs and psychotropic substances 1988;

12. "Sensitive goods" means substances mentioned in Article 6 of this Agreement.

Article 2

SCOPE OF AGREEMENT

The Parties, through their Customs Authorities, shall in accordance with the provisions set out in this Agreement:

a) undertake measures in order to facilitate and expedite movement of goods;

b) assist each other in prevention of customs offences;

c) endeavour to cooperate in the research, development and testing of new customs procedures, in the training and exchange of personnel and in other matters that may require their joint efforts;

d) applying joint efforts in improving customs techniques.

2. Mutual assistance within the framework of this Agreement shall be rendered in accordance with the legislation in force in the territory of the State of the Party and within the competence and resources of the Requested Customs Authority.

3. No provisions in this Agreement shall be interpreted in a manner, which would restrict mutual assistance practices presently in effect between the Parties.

Article 3

FACILITATION OF CUSTOMS FORMALITIES

1. The Customs Authorities shall, upon mutual consent, undertake necessary measures to facilitate customs procedures in order to facilitate

and expedite movement of goods between the territories of the State of both Parties.

2. The Customs Authorities can, upon mutual consent, recognize uniform applicable forms of customs documents in English.

Article 4

FORMS OF COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE

1. The Customs Authorities shall provide each other, on their own initiative or upon request, with all necessary information in accordance with the provisions of this Agreement.

2. The Customs Authorities shall:

a) exchange experience relating to their activities and the information about new means and methods of committing customs offences;

b) inform each other about substantial changes of the customs legislation of their States, as well as about technical means of customs control and methods of their application and also discuss other matters of mutual interest.

3. Customs Authorities shall provide each other with technical assistance in the area of customs matters including:

a) exchange of customs officers when mutually beneficial for the purpose of advancing the understanding of each other's customs techniques;

b) training and assistance in developing specialized skills of the customs officers;

c) exchange of information and experience in the use of the technical equipment for control purposes;

d) exchange of visiting experts in customs matters;

e) exchange of professional, scientific and technical data relating to customs legislation, regulations and procedures.

Article 5

SURVEILLANCE OF GOODS AND MEANS OF TRANSPORT

The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request of the Customs Authority of the State of the other Party, maintain surveillance over:

a) goods being moved by persons who committed offence or suspected of doing so in the territory of the State of the Party;

b) movements of goods and means of payment which are reported by the Customs Authority of the State of the other Party as giving rise to substantial illicit traffic into or from the territory of the State of the other Party or are suspicious thereof;

c) any means of transport known to be, or suspected of being, used for committing offences against customs legislation of the State of the other Party.

Article 6

ACTION AGAINST ILLICIT TRAFFIC OF SENSITIVE GOODS

The Customs Authorities shall, on their own initiative or upon request and without delay, supply each other with all relevant information on activities, detected or planned, which constitute or appear to constitute an offence against the customs legislation in force in the territory of the State of one of the Parties in the field of:

a) movement of arms, ammunition, explosives and explosive devices;

b) movement of narcotic drugs, psychotropic substances and its precursors;

c) movement of objects of art and antiquity, which present significant historical, cultural or archaeological value for one of the Parties;

d) movement of substances dangerous for the environment and the public health;

e) movement of goods subject to substantial customs duties or taxes and goods subject to non-tariff limitation.

Article 7

COMMUNICATION OF INFORMATION

1. The Customs Authorities shall, on their own initiative or upon request, supply each other with all information, which may help to ensure accuracy in:

a) the collection of customs payments levied by the Customs Authorities and, in particular, information which may help to assess correctly the value of goods for customs purposes and to establish their tariff classification;

b) the implementation of import, export and transit prohibitions and restrictions or relief from customs duties, taxes and other charges;

c) the application of national rules of origin.

2. If the Requested Customs Authority does not have the information asked for, it shall seek that information as if acting on its own account in accordance with the laws of its State.

Article 8

INFORMATION ON GOODS, PERSONS AND MEANS OF TRANSPORT

1. The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request, supply the Customs Authority of the State of the other Party with the following information:

a) whether goods imported into the territory of the State of the requesting Customs Authority have been lawfully exported from the territory of the State of the other Customs Authority;

b) whether goods exported from the territory of the State of the Requesting Customs Authority have been lawfully imported into the territory of the State of the other Customs Authority.

2. The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request, supply the Customs Authority of the State of the other Party with the following information:

a) persons known to be, or suspected of, committing offences against customs laws in force in the territory of the State of the other Party;

b) goods known to be, or suspected of being, the subject of illicit traffic;

c) means of transport known to be, or suspected of being, used in committing offences against customs legislation in force in the territory of the State of the other Party.

Article 9

FILES AND DOCUMENTS

1. The Customs Authority of the State of one Party, shall on its own initiative or upon request, supply the Customs Authority of the other Party with reports, records of evidence or copies of documents and other available information on activities, completed or planned, which constitute or appear to constitute an offence against the customs legislation in force in the territory of the State of that Party.

2. The documents provided for in this Agreement may be replaced by computerized information produced for the same purpose. All relevant information for the interpretation or utilization of the material should be supplied at the same time.

Article 10

INQUIRIES

1. If the Customs Authority of the State of one Party so requests, the Customs Authority of the State of the other Party shall initiate all official inquiries concerning operations which are, or appear to be, contrary to the customs legislation in force in the territory of the State of the requesting Customs Authority. It shall communicate the results of such inquiries to the requesting Customs Authority.

2. These inquiries shall be conducted under the laws in force in the territory of the State of the requested Customs Authority. The requested Customs Authority shall proceed as if it were acting on its own account.

Article 11

USE OF INFORMATION AND INTELLIGENCE

1. Information and intelligence received under this Agreement shall be used solely for the purposes of this Agreement. They shall not be communicated or used for any other purposes unless the Customs Authority furnishing this information and intelligence expressly approves.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article are not applicable to information and intelligence concerning offences relating to narcotic drugs

and psychotropic substances. Such information and intelligence may be communicated to other authorities directly involved in the combat of illicit traffic of narcotic drugs, psychotropic substances and their precursors.

3. Requests, information, reports of experts and other communications received by the Customs Authority of the State of one Party in whatever form pursuant to this Agreement shall be afforded the same confidentiality by the Receiving Customs Authority as is afforded to documents and information of the same kind under the national laws of the State of that Party.

Article 12

EXCEPTIONS FROM THE LIABILITY TO RENDER ASSISTANCE

1. If the Customs Authority of the State of one Party considers that compliance with the request would be prejudicial to the sovereignty, security, public order or any other essential interest of the State of that Party it may refuse to provide the assistance requested under this Agreement, wholly or partially, or provide it subject to certain conditions or requirements.

2. If assistance is refused, the decision and the reasons for the refusal shall be notified in writing to the Requesting Customs Authority without delay.

3. If the Customs Authority of the State of one Party requests assistance that it would not itself be able to provide, it shall draw attention to that fact in the request. Compliance with such a request shall be within the discretion of the Requested Customs Authority.

Article 13

FORM AND SUBSTANCE OF REQUESTS FOR ASSISTANCE

1. Requests pursuant to the present Agreement shall be made in writing. Documents necessary for the execution of such requests shall accompany the request. When required because of the urgency of the situation, oral or e-mail request may be accepted, but must be confirmed officially in writing immediately.

2. Requests pursuant to paragraph 1 of this Article shall include the following information:

a) the name of the Requesting Customs Authority;

b) nature of the proceedings and the measure requested;

c) the object of and the reason for the request;

d) laws, regulations and other legal elements involved;

e) indications as exact and comprehensive as possible on the persons being the target of the investigations;

f) summary of the relevant facts.

3. Requests shall be submitted in the official language of the State of the Requested Customs Authority, in English or in another language acceptable to the Requested Customs Authority.

4. If a request does not meet the formal requirements, its correction or completion may be demanded. It cannot however cause the delay of any actions that must be undertaken immediately.

Article 14

COSTS

1. Expenses incurred by the Requested Customs Authority in carrying out a request under this Agreement shall be borne by that Customs Authority excluding expenses for experts, translators and interpreters other than government employees.

2. Reimbursement of other expenses incurred in performance of this Agreement may be a subject of a special arrangement between the Customs Authorities.

Article 15

IMPLEMENTATION

1. Assistance provided for under this Agreement shall be rendered directly by the Customs Authorities. Those authorities shall mutually agree on detailed arrangements for that purpose.

2. The Customs Authorities may arrange for their central and local enforcement, investigation and other services to be in direct communication with each other.

Article 16

TERRITORIAL APPLICABILITY

This Agreement shall be applicable on the customs territory of the Socialist Republic of Viet Nam and the customs territory of the Republic of Azerbaijan.

Article 17

ADDITIONS AND AMENDMENTS

Any additions and amendments may be made to this Agreement by mutual consent of the Parties. Such additions and amendments shall be made in a form of separate protocols being an integral part of this Agreement and shall enter into force in accordance with the provisions of Article 19 of this Agreement.

Article 18

SETTLEMENT OF DISAGREEMENTS

Any disagreement that may arise from the interpretation or application of this Agreement shall be resolved by consultations or negotiations between the Parties.

Article 19

ENTRY INTO FORCE AND TERMINATION

1. This Agreement is concluded for an indefinite period of time and shall enter into force on the date of receipt by the Parties of the last written notification through diplomatic channels confirming the completion of their necessary internal procedures required for the entry into force of this Agreement.

2. The Parties may terminate this Agreement by submitting a written notification through diplomatic channels. This Agreement shall cease its effect six (6) months after receiving such notification.

3. The termination of this Agreement shall not affect the implementation of ongoing activities which have been agreed upon prior to the date of such termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in Baku on May 14, 2015, in duplicate, in the Vietnamese, Azerbaijani and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF AZERBAIJAN
Do Hoang Anh Tuan	Aydin Aliyev
Deputy Minister of Finance	Head of State Customs Committee

Vyetnam Sosialist Respublikasının Hökuməti ilə Azərbaycan Respublikasının Hökuməti arasında gömrük işi sahəsində əməkdaşlıq və qarşılıqlı yardım haqqında

SAZİŞ

Bundan sonra "Tərəflər" adlandırılacaq Vyetnam Sosialist Respublikasının Hökuməti və Azərbaycan Respublikasının Hökuməti,

gömrük qanunvericiliyinin pozulmasının onların müvafiq dövlətlərinin iqtisadi, maliyyə və ictimai maraqlarına, habelə qanuni ticarət maraqlarına ziyan vurduğunu nəzərə alaraq,

malların idxalı və ya ixracı zamanı alınan gömrük ödənişlərinin dəqiq müəyyənləşdirilməsinin və qadağa, məhdudiyyət və nəzarətlə bağlı müddəaların düzgün tətbiqinin təmin edilməsinin əhəmiyyətini nəzərə alaraq,

gömrük qanunvericiliyinin pozulmasının qarşısının alınması tədbirlərinin və idxal və ixrac rüsumlarının və vergilərin dəqiq toplanmasının təmin edilməsi səylərinin onların dövlətlərinin gömrük orqanları arasında əməkdaşlıq yolu ilə daha səmərəli ola biləcəyinə inanaraq,

narkotik vasitələrin və psixotrop maddələrin qanunsuz dövriyyəsinin əhalinin sağlamlığı və cəmiyyət üçün təhlükəli olduğunu nəzərə alaraq,

"Qarşılıqlı inzibati yardım haqqında" 1953-cü il 5 dekabr tarixli Gömrük Əməkdaşlığı Şurasının Tövsiyəsini nəzərə alaraq,

həmçinin, Birləşmiş Millətlər Təşkilatının himayəçiliyi ilə hazırlanmış Narkotik Vasitələrə dair 1961-ci il tarixli Vahid Konvensiyaya düzəlişlər edən 1972-ci il tarixli Protokola uyğun düzəlişlər edilmiş Narkotik Vasitələrə dair 30 mart 1961-ci il tarixli Vahid Konvensiyanın, Psixotrop Maddələrə dair 21 fevral 1971-ci il tarixli Konvensiyanın və Narkotik Vasitələr və Psixotrop Maddələrin Qanunsuz Dövriyyəsi ilə Mübarizəyə dair 20 dekabr 1988-ci il tarixli Konvensiyanın müddəalarını nəzərə alaraq,

aşağıdakılar barədə razılığa gəldilər:

Maddə 1
Anlayışlar

Bu Sazişin məqsədləri üçün:

1. Gömrük qanunvericiliyi - gömrük orqanları tərəfindən tətbiq olunan və ya toplanan gömrük rüsumlarına, vergilər və digər ödənişlərə, qadağa, məhdudiyyət və nəzarət tədbirlərinə aid müddəalar da daxil olmaqla, malların və nəqliyyat vasitələrinin idxalı, ixracı və tranziti, yaxud hər hansı digər gömrük rejimi ilə bağlı Tərəflərin dövlətlərinin qüvvədə olan milli qanunvericilikləri ilə təsbit olunan müddəaları;

2. Gömrük orqanı - Vyetnam Sosialist Respublikasında Vyetnam Baş Gömrük İdarəsini, Azərbaycan Respublikasında isə Dövlət Gömrük Komitəsini;

3. Gömrük hüquqpozmaları - gömrük qanunvericiliyinin hər hansı şəkildə pozulmasını və ya pozulmasına cəhdi;

4. Şəxs - hər hansı fiziki və ya hüquqi şəxsi;

5. İnformasiya - hər hansı məlumatı, sənədləri, hesabatları, bunların təsdiq edilmiş, yaxud autentik surətlərini və digər yazışmaları;

6. Məlumat - gömrük hüquqpozmaları ilə bağlı informasiyanı təmin etmək məqsədi ilə işlənmiş və (və ya) təhlil edilmiş hər hansı məlumatı;

7. Sorğu alan gömrük orqanı - gömrük məsələlərində yardım üçün sorğu alan Tərəfin dövlətinin gömrük orqanını;

8. Sorğu göndərən gömrük orqanı - gömrük məsələlərində yardım üçün sorğu göndərən Tərəfin dövlətinin gömrük orqanını;

9. Narkotik vasitələr - Narkotik Vasitələrə dair 1961-ci il tarixli Vahid Konvensiyaya düzəlişlər edən 1972-ci il tarixli Protokola uyğun düzəlişlər edilmiş Narkotik Vasitələrə dair 1961-ci il tarixli Vahid Konvensiyanın siyahısına daxil edilən maddələri;

10. Psixotrop maddələr - Psixotrop Maddələrə dair 1971-ci il tarixli Konvensiyanın siyahılarına daxil edilmiş maddələri;

11. Prekursorlar - Narkotik Vasitələrin və Psixotrop Maddələrin Qanunsuz Dövriyyəsinə qarşı 1988-ci il tarixli Konvensiyaya müvafiq olaraq, narkotik vasitələrin və psixotrop maddələrin qanunsuz istehsalı zamanı istifadə olunan kimyəvi maddələr və həlledicilər;

12. Həssas mallar - bu Sazişin 6-cı maddəsində qeyd olunan malları bildirir.

Maddə 2
Sazişin əhatə dairəsi

1. Tərəflər gömrük orqanları vasitəsilə bu Sazişlə müəyyən olunan müddəalara əsasən aşağıdakı tədbirləri görürlər:

a) malların hərəkətinin asanlaşdırılması və sürətləndirilməsi məqsədi ilə tədbirlərin həyata keçirilməsi;

b) gömrük hüquqpozmalarının qarşısının alınmasında bir-birinə yardım göstərilməsi;

c) yeni gömrük prosedurlarının tədqiqi, hazırlanması və sınaqdan keçirilməsində, kadrların hazırlanması və mübadiləsində və birgə səylərin tələb oluna biləcəyi digər məsələlərdə əməkdaşlığa cəhd göstərilməsi;

d) gömrük metodlarının təkmilləşdirilməsində birgə səylərin göstərilməsi.

2. Bu Saziş çərçivəsində qarşılıqlı yardım Tərəfin dövlətinin ərazisində qüvvədə olan qanunvericiliyə uyğun olaraq və sorğu alan gömrük orqanının səlahiyyəti və imkanları daxilində göstərilir.

3. Bu Sazişin heç bir müddəası Tərəflər arasında hazırda qüvvədə olan qarşılıqlı yardım təcrübələrini məhdudlaşdıracaq şəkildə şərh edilmir.

Maddə 3
Gömrük rəsmiləşdirilməsinin asanlaşdırılması

1. Gömrük orqanları qarşılıqlı razılıq əsasında hər iki Tərəfin dövlətinin ərazisi arasında malların hərəkətini asanlaşdırmaq və sürətləndirmək məqsədi ilə gömrük prosedurlarının asanlaşdırılması üçün zəruri tədbirlər görürlər.
2. Gömrük orqanları qarşılıqlı razılıq əsasında ingilis dilində istifadə olunacaq gömrük sənədlərinin vahid formalarını qəbul edə bilərlər.

Maddə 4
Əməkdaşlıq və qarşılıqlı yardım formaları

1. Gömrük orqanları bu Sazişin müddəalarına uyğun olaraq, öz təşəbbüsləri ilə və ya sorğu əsasında bir-birini bütün zəruri informasiya ilə təmin edirlər.
2. Gömrük orqanları:
a) fəaliyyətləri ilə bağlı təcrübə mübadiləsini və gömrük hüquqpozmalarının törədilməsində yeni vasitə və metodlara dair informasiya mübadiləsini həyata keçirirlər;
b) dövlətlərinin gömrük qanunvericiliyində əhəmiyyətli dəyişikliklər, o cümlədən gömrük nəzarətinin texniki vasitələri və onların tətbiqi metodları barədə bir-birini məlumatlandırır, eyni zamanda qarşılıqlı maraq doğuran digər məsələləri müzakirə edirlər.
3. Gömrük orqanları bir-birini gömrük məsələləri ilə bağlı aşağıdakı sahələrdə texniki yardımla təmin edirlər:
a) bir-birinin gömrük metodları ilə bağlı biliklərini artırmaq məqsədi ilə gömrük əməkdaşlarının qarşılıqlı şəkildə faydalı olacaq mübadiləsi;
b) gömrük əməkdaşlarının peşəkar bacarıqlarını inkişaf etdirməklə bağlı təlim və yardım;
c) nəzarət məqsədləri üçün texniki avadanlığın istifadəsində informasiya və təcrübə mübadiləsi;
d) gömrük məsələləri ilə bağlı səfər edən ekspertlərin mübadiləsi;
e) gömrük qanunvericiliyi, qaydaları və prosedurları ilə bağlı peşəkar, elmi və texniki məlumatların mübadiləsi.

Maddə 5
Mallara və nəqliyyat vasitələrinə nəzarət

Bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı öz təşəbbüsü ilə və ya digər Tərəfin dövlətinin gömrük orqanının sorğusu əsasında aşağıda qeyd olunanlar üzərində nəzarəti təmin edir:
a) Tərəfin dövlətinin ərazisində hüquq pozuntusuna yol vermiş və ya bunu etməkdə şübhəli bilinən şəxslər tərəfindən keçirilən mallar;
b) digər Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı tərəfindən həmin Tərəfin dövlətinin ərazisinə daxil edilən və ya ərazisindən çıxarılan ciddi qanunsuz

dövriyyəyə səbəb olduğu, yaxud buna şübhə doğurduğu bildirilən malların və ödəniş vasitələrinin hərəkəti;

c) digər Tərəfin dövlətinin gömrük qanunvericiliyinin pozulmasında istifadə olunduğu bilinən və ya istifadə edilməsi şübhə doğuran hər hansı nəqliyyat vasitəsi.

Maddə 6
Həssas malların qanunsuz dövriyyəsinə qarşı tədbirlər

Gömrük orqanları öz təşəbbüsləri ilə və ya sorğu əsasında, gecikdirmədən bir-birini Tərəflərdən birinin dövlətinin ərazisində qüvvədə olan gömrük qanunvericiliyinə qarşı hüquq pozuntusu təşkil edən və ya təşkil edə biləcək aşkarlanmış, yaxud planlaşdırılmış fəaliyyətlərə dair aşağıdakı sahələr üzrə bütün müvafiq informasiya ilə təmin edirlər:

a) silah, sursat, partlayıcı maddə və partlayıcı cihazların hərəkəti;
b) narkotik vasitələr, psixotrop maddələr və onların prekursorlarının hərəkəti;
c) Tərəflərdən biri üçün mühüm tarixi, mədəni və ya arxeoloji dəyərə malik olan incəsənət və əntiq əşyaların hərəkəti;
d) ətraf mühit və əhalinin sağlamlığı üçün təhlükə törədən maddələrin hərəkəti;
e) yüksək gömrük rüsumlarının və ya vergilərin və qeyri-tarif məhdudiyyətlərinin tətbiq olunduğu malların hərəkəti.

Maddə 7
İnformasiyanın ötürülməsi

1. Gömrük orqanları öz təşəbbüsləri ilə və ya sorğu əsasında bir-birini aşağıdakıların dəqiqləşdirilməsinə yardım göstərə biləcək hər bir informasiya ilə təmin edirlər:

a) gömrük orqanları tərəfindən tətbiq edilən gömrük ödənişlərinin, xüsusilə gömrük məqsədləri üçün malların dəyərini düzgün təyin etməyə və onların tarif təsnifatını müəyyən etməyə kömək edə biləcək informasiyanın toplanılması;
b) idxal, ixrac və tranzit qadağaları və məhdudiyyətlərinin tətbiqi və ya gömrük rüsumlarından, vergilərdən və digər ödənişlərdən azad olma;
c) milli mənşə qaydalarının tətbiqi.

2. Sorğu alan gömrük orqanında sorğu edilən informasiya olmadığı təqdirdə, həmin orqan informasiyanı öz dövlətinin qanunvericiliyinə uyğun olaraq özü üçün axtardığı kimi axtarır.

Maddə 8
Mallar, şəxslər və nəqliyyat vasitələri barədə informasiya

1. Bir Tərəfin dövlətinin Gömrük orqanı öz təşəbbüsü ilə və ya sorğu əsasında digər Tərəfin dövlətinin Gömrük orqanını aşağıdakı informasiya ilə təmin edir:

a) sorğu göndərən Gömrük orqanının dövlətinin ərazisinə idxal edilmiş malların digər Gömrük orqanının dövlətinin ərazisindən qanunauyğun şəkildə ixrac olunub-olunmaması;

b) sorğu göndərən Gömrük orqanının dövlətinin ərazisindən ixrac olunmuş malların digər Gömrük orqanının dövlətinin ərazisinə qanunauyğun şəkildə idxal edilib-edilməməsi.

2. Bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı öz təşəbbüsü ilə və ya sorğu əsasında digər Tərəfin dövlətinin gömrük orqanını aşağıdakı informasiya ilə təmin edir:

a) digər Tərəfin dövlətinin ərazisində qüvvədə olan gömrük qanunvericiliyini pozan və ya pozmaqda şübhəli bilinən şəxslər;

b) qanunsuz dövriyyənin predmeti olduğu bilinən və ya olması şübhə doğuran mallar;

c) digər Tərəfin dövlətinin ərazisində qüvvədə olan gömrük qanunvericiliyini pozmaqda istifadə olunan və ya istifadə olunması şübhə doğuran nəqliyyat vasitələri.

Maddə 9
Fayl və sənədlər

1. Bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı öz təşəbbüsü ilə və ya sorğu əsasında digər Tərəfin gömrük orqanını həmin Tərəfin dövlətinin ərazisində qüvvədə olan gömrük qanunvericiliyinə qarşı hüquq pozuntusu törədən və ya törədə biləcək, tamamlanmış, yaxud planlaşdırılmış fəaliyyətlərlə bağlı hesabatlar, dəlil üzrə qeydlər və ya sənədlərin surətləri və digər mümkün informasiya ilə təmin edir.

2. Bu Sazişdə nəzərdə tutulan sənədlər eyni məqsəd üçün kompyuterləşdirilmiş informasiya ilə əvəz edilə bilər. Materialların təfsiri və ya istifadəsi üçün bütün müvafiq informasiya eyni vaxtda təmin edilir.

Maddə 10
Araşdırmalar

1. Bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı sorğu göndərdikdə, digər Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı sorğu göndərən gömrük orqanının dövlətinin ərazisində qüvvədə olan gömrük qanunvericiliyinə zidd olan və ya ola biləcək əməliyyatlarla bağlı bütün rəsmi araşdırmalara başlayır. O, belə araşdırmaların nəticələrini sorğu göndərən gömrük orqanına göndərir.

2. Bu araşdırmalar sorğu alan gömrük orqanının dövlətinin ərazisində qüvvədə olan qanunvericiliyə uyğun aparılır. Sorğu alan gömrük orqanı özü üçün fəaliyyət göstərirmiş kimi hərəkət edir.

Maddə 11
İnformasiya və məlumatlardan istifadə

1. Bu Saziş çərçivəsində əldə edilən informasiya və məlumatlar yalnız bu Sazişin məqsədləri üçün istifadə edilir. Onları təmin edən gömrük orqanı aydın şəkildə təsdiqləmədiyi halda, bu informasiya və məlumatlar ötürülmür və ya hər hansı digər məqsədlər üçün istifadə olunmur.

2. Bu maddənin 1-ci bəndinin müddəaları narkotik vasitələr və psixotrop maddələrlə bağlı hüquqpozmalara dair informasiya və məlumatlara şamil edilmir. Belə informasiya və məlumatlar narkotik vasitələrin, psixotrop maddələrin və onların prekursorlarının qanunsuz dövriyyəsinə qarşı mübarizəyə birbaşa cəlb edilən digər orqanlara ötürülə bilər.

3. Bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı tərəfindən bu Sazişə uyğun hər hansı formada əldə edilən sorğular, informasiya, ekspert hesabatları və digər yazışmalara, sorğu alan gömrük orqanı tərəfindən həmin Tərəfin dövlətinin milli qanunvericiliyinə uyğun olaraq, eyni növ sənədlərə və informasiyaya eyni konfidensiallıq tətbiq edilir.

Maddə 12
Yardım göstərmək öhdəliyindən istisnalar

1. Əgər bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı sorğunun yerinə yetirilməsinin həmin Tərəfin dövlətinin suverenliyinə, təhlükəsizliyinə, ictimai asayişinə və ya hər hansı digər mühüm marağına zərər gətirəcəyini hesab edirsə, o, bu Sazişə uyğun olaraq sorğu edilən yardımı təmin etməkdən tamamilə və ya qismən imtina edə, yaxud onu müəyyən şərtlər və ya tələblər əsasında təmin edə bilər.

2. Yardımdan imtina edilərsə, imtina ilə bağlı qərar və səbəblər gecikdirilmədən sorğu göndərən gömrük orqanına yazılı şəkildə bildirilir.

3. Bir Tərəfin dövlətinin gömrük orqanı özünün təmin edə bilməyəcəyi yardımı sorğu edərsə, o, öz sorğusunda bu faktı göstərir. Belə bir sorğunun yerinə yetirilməsi sorğu alan gömrük orqanının ixtiyarında olur.

Maddə 13
Yardım üçün sorğuların forma və mahiyyəti

1. Bu Sazişə uyğun olaraq, sorğular yazılı şəkildə göndərilir. Belə sorğuların icrası üçün zəruri sənədlər sorğuya əlavə edilir. Təcili hallarda tələb olunduqda, sorğu şifahi və ya elektron poçt vasitəsilə göndərilə bilər, lakin dərhal yazılı olaraq rəsmi şəkildə təsdiq edilməlidir.

2. Bu maddənin 1-ci bəndinə uyğun olaraq, sorğulara aşağıdakı informasiya daxil edilir:

a) sorğu göndərən gömrük orqanının adı;

b) icraatın mahiyyəti və sorğu edilən tədbir;

c) sorğunun obyekti və səbəbi;

d) əlaqədar qanunlar, qaydalar və digər hüquqi elementlər;

e) araşdırmaların hədəfi olan şəxslərlə bağlı mümkün qədər dəqiq və ətraflı məlumatlar;

f) aidiyyəti faktların xülasəsi.

3. Sorğular sorğu alan gömrük orqanının dövlətinin rəsmi dilində, ingilis dilində və ya sorğu alan gömrük orqanı üçün məqbul olan digər dildə göndərilir.

4. Əgər sorğu rəsmi tələblərə cavab vermirsə, onun düzəlişi və ya tamamlanması tələb edilə bilər. Lakin bu, dərhal görülməli olan tədbirlərin gecikdirilməsinə səbəb ola bilməz.

Maddə 14
Xərclər

1. Bu Saziş əsasında sorğunun həyata keçirilməsində sorğu alan gömrük orqanı tərəfindən çəkilmiş xərclər hökumət məmurları olmayan ekspertlərə, şifahi və yazılı tərcüməçilərə çəkilən xərclər istisna olmaqla, həmin gömrük orqanı tərəfindən ödənilir.

2. Bu Sazişin icrasında çəkilən digər xərclərin ödənilməsi gömrük orqanları arasında xüsusi razılaşma mövzusu ola bilər.

Maddə 15
Tətbiqetmə

1. Bu Saziş çərçivəsində təmin edilən yardım birbaşa gömrük orqanları tərəfindən göstərilir. Bu orqanlar həmin məqsəd üçün ətraflı müzakirələrlə bağlı qarşılıqlı razılığa gəlirlər.

2. Gömrük orqanları öz mərkəzi və yerli hüquq mühafizə, təhqiqat və digər xidmətlərinin bir-biri ilə birbaşa əlaqələrini təşkil edə bilərlər.

Maddə 16
Ərazi üzrə tətbiq edilmə

Bu Saziş Vyetnam Sosialist Respublikasının gömrük ərazisində və Azərbaycan Respublikasının gömrük ərazisində tətbiq edilir.

Maddə 17
Əlavə və dəyişikliklər

Tərəflərin qarşılıqlı razılığı ilə bu Sazişə istənilən əlavə və dəyişikliklər edilə bilər. Belə əlavə və dəyişikliklər bu Sazişin ayrılmaz tərkib hissəsi olan ayrıca protokollar formasında edilir və bu Sazişin 19-cu maddəsinin müddəalarına uyğun olaraq qüvvəyə minir.

Maddə 18
Fikir ayrılıqlarının həlli

Bu Sazişin təfsiri və ya tətbiqindən irəli gələ biləcək hər hansı fikir ayrılığı Tərəflər arasında məsləhətləşmələr və ya danışıqlar yolu ilə həll olunur.

Maddə 19
Qüvvəyə minmə və ləğvetmə

1. Bu Saziş qeyri-müəyyən müddətə bağlanılır və onun qüvvəyə minməsi üçün zəruri olan dövlətdaxili prosedurların yerinə yetirilməsi barədə Tərəflərin sonuncu yazılı bildirişinin diplomatik kanallar vasitəsilə alındığı tarixdən qüvvəyə minir.
2. Tərəflər diplomatik kanallar vasitəsilə yazılı bildiriş təqdim etməklə, bu Sazişi ləğv edə bilərlər. Bu Saziş belə bildirişin alındığı tarixdən altı (6) ay sonra qüvvədən düşür.
3. Bu Sazişin ləğv edilməsi ləğvetmə tarixindən əvvəl razılaşdırılmış və davam etməkdə olan fəaliyyətlərin həyata keçirilməsinə təsir etmir.

BUNUN TƏSDİQİ OLARAQ, müvafiq hökumətləri tərəfindən lazımi qaydada səlahiyyətləndirilmiş aşağıda imza edənlər bu Sazişi imzaladılar.

Bakı şəhərində 2015-ci il "14" may tarixində Vyetnam, Azərbaycan və ingilis dillərində olmaqla, iki nüsxədə imzalanmışdır, bütün mətnlər bərabər autentikdir. Təfsir zamanı fikir ayrılığı yarandığı təqdirdə, ingilis dilindəki mətndən istifadə ediləcəkdir.

VYETNAM SOSİALİST RESPUBLİKASININ HÖKUMƏTİ ADINDAN

Do Hoang Anh Tuan
Deputy Minister of Finance

AZƏRBAYCAN RESPUBLİKASININ HÖKUMƏTİ ADINDAN

Aydin Aliyev
Head of State
Customs Committee

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng